Ký bởi: CÔNG BÁO NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Cơ quan: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Ngày ký: 2026-06-30 15:22:55 +07:00

BỘ QUỐC PHÒNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 78/2026/TT-BQP	*Hà Nội, ngày 18 tháng 6 năm 2026*

THÔNG TƯ
Quy định việc tổ chức thăm gặp, làm việc đối với người bị tạm giữ, người bị tạm giam; chế độ ăn, ở và quản lý giam giữ người bị kết án tử hình đang bị tạm giam

Căn cứ Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú số 128/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 01/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 03/2025/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Điều tra hình sự Bộ Quốc phòng;

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư quy định việc tổ chức thăm gặp, làm việc đối với người bị tạm giữ, người bị tạm giam; chế độ ăn, ở và quản lý giam giữ người bị kết án tử hình đang bị tạm giam.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định việc tổ chức cho người bị tạm giữ, người bị tạm giam sau đây viết gọn là người bị tạm giữ, tạm giam thăm gặp người thân thích; việc bảo đảm điều kiện để người bị tạm giữ, tạm giam gặp người đại diện hợp pháp để thực hiện giao dịch dân sự, người bào chữa; gặp, làm việc với người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, cơ quan, tổ chức, cá nhân khác; chế độ ăn, ở và quản lý giam giữ người bị kết án tử hình đang bị tạm giam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các cơ sở giam giữ trong Quân đội nhân dân, người bị tạm giữ, tạm giam và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Cơ sở giam giữ trong Quân đội nhân dân* bao gồm: Trại tạm giam, phân trại tạm giam thuộc trại tạm giam Bộ Quốc phòng; trại tạm giam thuộc quân khu,

Quân đoàn 34; nhà tạm giữ thuộc cơ quan điều tra hình sự khu vực trong Quân đội nhân dân; buồng tạm giữ của Bộ đội Biên phòng, Vùng Cảnh sát biển.

2. *Thăm gặp* là việc cơ sở giam giữ tổ chức cho người bị tạm giữ, tạm giam thăm gặp người thân thích, cá nhân không phải là người thân thích của người bị tạm giữ, tạm giam được cơ quan thụ lý vụ án đồng ý cho thăm gặp.

3. *Gặp, làm việc* là việc cơ sở giam giữ tổ chức, bảo đảm các điều kiện để người bị tạm giữ, tạm giam gặp, làm việc với người bào chữa, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Chương II
QUY ĐỊNH VIỆC TỔ CHỨC THĂM GẶP, LÀM VIỆC

Điều 4. Quy định đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân đến thăm gặp, làm việc với người bị tạm giữ, tạm giam phải chấp hành nghiêm pháp luật, nội quy cơ sở giam giữ, quy định về thăm gặp, làm việc; không mang đồ vật thuộc danh mục đồ vật cấm vào khu vực giam giữ, nơi thăm gặp, làm việc.

2. Khi thăm gặp, làm việc với người bị tạm giữ, tạm giam phải chấp hành hướng dẫn của cơ sở giam giữ.

3. Ngôn ngữ sử dụng trong thăm gặp, làm việc là tiếng Việt; trường hợp người bị tạm giữ, tạm giam, người đến thăm gặp, làm việc không biết tiếng Việt mà sử dụng ngôn ngữ khác thì phải có người phiên dịch theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Thủ tục thăm gặp, làm việc

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân đến thăm gặp, làm việc với người bị tạm giữ, tạm giam phải đăng ký với cơ sở giam giữ và xuất trình giấy tờ theo quy định.

2. Người thân thích đến thăm gặp người bị tạm giữ, tạm giam phải xuất trình giấy tờ sau:

a) Sổ thăm gặp hoặc đơn đề nghị thăm gặp được Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu nơi người đó cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc, học tập xác nhận về quan hệ với người bị tạm giữ, tạm giam;

b) Một trong những giấy tờ: Thẻ căn cước, căn cước công dân, giấy chứng minh lực lượng vũ trang hoặc hộ chiếu; các loại giấy tờ tùy thân có thể xuất trình trực tiếp hoặc qua ứng dụng VNeID. Trường hợp không có một trong những giấy tờ nêu trên thì đơn đề nghị phải dán ảnh, đóng dấu giáp lai vào ảnh được Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu nơi người đó cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc, học tập xác nhận;

c) Trường hợp người thân thích là người nước ngoài đến thăm gặp người bị tạm giữ, tạm giam thì phải có đơn xin gặp, đơn phải viết bằng tiếng Việt hoặc dịch ra tiếng Việt và có xác nhận của cơ quan đại diện ngoại giao hoặc lãnh sự của nước mà người đó mang quốc tịch hoặc cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam nơi người đó làm việc.

3. Người bào chữa đến gặp người bị tạm giữ, tạm giam phải xuất trình giấy tờ sau:

a) Văn bản thông báo người bào chữa;

b) Một trong những giấy tờ: Thẻ luật sư, thẻ trợ giúp viên pháp lý, thẻ căn cước, căn cước công dân hoặc hộ chiếu. Các loại giấy tờ tùy thân có thể xuất trình trực tiếp hoặc qua ứng dụng VNeID.

4. Người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đến làm việc với người bị tạm giữ, tạm giam phải xuất trình giấy tờ sau:

a) Quyết định phân công giải quyết vụ việc, vụ án; trường hợp không có quyết định phân công giải quyết vụ việc, vụ án thì phải có giấy giới thiệu của cơ quan có thẩm quyền đang thụ lý vụ việc, vụ án;

b) Một trong các giấy tờ: Giấy chứng nhận của ngành điều tra, kiểm sát, tòa án; giấy chứng minh lực lượng vũ trang, thẻ căn cước, căn cước công dân hoặc hộ chiếu. Các loại giấy tờ tùy thân có thể xuất trình trực tiếp hoặc qua ứng dụng VNeID;

c) Người có thẩm quyền tiến hành tố tụng nếu cần làm việc với người bị tạm giữ, tạm giam ở vụ việc, vụ án khác phải có ý kiến đồng ý bằng văn bản của Thủ trưởng cơ quan hoặc người có thẩm quyền đang thụ lý vụ việc, vụ án đó.

5. Người đại diện hợp pháp đến gặp người bị tạm giữ, tạm giam để thực hiện giao dịch dân sự phải xuất trình giấy tờ sau:

a) Văn bản thể hiện là người đại diện hợp pháp để thực hiện giao dịch dân sự theo quy định của pháp luật về dân sự;

b) Văn bản đồng ý của cơ quan tiến hành tố tụng đang thụ lý vụ việc, vụ án;

c) Một trong các giấy tờ: Thẻ căn cước, căn cước công dân, giấy chứng minh lực lượng vũ trang hoặc hộ chiếu. Các loại giấy tờ tùy thân có thể xuất trình trực tiếp hoặc qua ứng dụng VNeID.

6. Đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khác đến thăm gặp người bị tạm giữ, tạm giam phải xuất trình giấy tờ sau:

a) Văn bản đồng ý của cơ quan tiến hành tố tụng đang thụ lý vụ việc, vụ án;

b) Giấy giới thiệu của cơ quan, tổ chức nếu là người đại diện của cơ quan, tổ chức;

c) Một trong các giấy tờ: Thẻ căn cước, căn cước công dân, giấy chứng minh lực lượng vũ trang hoặc hộ chiếu. Các loại giấy tờ tùy thân có thể xuất trình trực tiếp hoặc qua ứng dụng VNeID.

Điều 6. Trách nhiệm của người tổ chức thăm gặp, làm việc

1. Chấp hành nghiêm pháp luật, điều lệnh, quy định của cơ sở giam giữ; không được gây phiền hà cho người bị tạm giữ, tạm giam và người đến thăm gặp, làm việc; không được tự ý nhận, chuyển thư, tiền, quà, các đồ vật khác cho người bị tạm giữ, tạm giam.

2. Tiếp nhận, kiểm tra giấy tờ của người đến thăm gặp, làm việc; lập danh sách người bị tạm giữ, tạm giam được thăm gặp hoặc không được thăm gặp theo quy định của pháp luật để đề xuất Thủ trưởng cơ sở giam giữ ký duyệt trước khi thực hiện; trường hợp có nhiều người thân thích của người bị tạm giữ, tạm giam đến thăm gặp cùng một thời điểm, phải đề nghị Thủ trưởng cơ sở giam giữ tăng cường lực lượng giám sát việc thăm gặp.

3. Giám sát quá trình thăm gặp, làm việc không để người bị tạm giữ, tạm giam tiếp xúc trực tiếp với người đến thăm gặp hoặc thực hiện các hành vi bị nghiêm cấm; khi phát hiện người bị tạm giữ, tạm giam và người đến thăm gặp, làm việc vi phạm nội quy cơ sở giam giữ thì dừng ngay việc thăm gặp, làm việc; lập biên bản và báo cáo Thủ trưởng cơ sở giam giữ.

4. Kiểm tra người, thư, tiền, quà, đồ vật, giám sát người bị tạm giữ, tạm giam từ khi nhận đến khi đưa về bàn giao cho cán bộ trực khu giam giữ, ký Sổ xuất, nhập người bị tạm giữ, tạm giam.

5. Bàn giao ngay tiền, thuốc chữa bệnh và những đồ vật không được mang vào buồng giam mà người bị tạm giữ, tạm giam được nhận trong khi thăm gặp (nếu có) cho người có trách nhiệm quản lý.

6. Vào Sổ theo dõi thăm gặp, cập nhật đầy đủ thông tin, phản ánh tình hình thăm gặp với Thủ trưởng cơ sở giam giữ.

Điều 7. Tổ chức cho người bị tạm giữ, tạm giam thăm gặp, làm việc

1. Việc tổ chức cho người bị tạm giữ, tạm giam thăm gặp người thân thích được thực hiện tại nhà thăm gặp của cơ sở giam giữ; nhà thăm gặp có treo biển, bảng nội quy cơ sở giam giữ, quy định về thăm gặp, bảng thông tin trợ giúp pháp lý, hòm thư góp ý; phòng thăm gặp có vách ngăn giữa người bị tạm giữ, tạm giam với người đến thăm gặp. Đối với cơ sở giam giữ chưa có nhà thăm gặp thì

căn cứ điều kiện của cơ sở giam giữ để tổ chức thăm gặp theo quy định, đảm bảo an toàn.

2. Thủ trưởng cơ sở giam giữ tổ chức cho người bị tạm giữ, tạm giam thăm gặp người thân thích vào tất cả các ngày trong tuần, kể cả ngày nghỉ, ngày lễ, tết; gặp người đại diện hợp pháp của cơ quan, tổ chức và cá nhân khác vào ngày làm việc; thời gian thăm gặp theo giờ làm việc của cơ sở giam giữ.

3. Người bị tạm giữ, tạm giam được gặp không quá 03 người thân thích trong mỗi lần gặp. Căn cứ điều kiện của cơ sở giam giữ và công tác quản lý giam giữ, Thủ trưởng cơ sở giam giữ có thể quyết định tăng thêm số lượng người thân thích được gặp nhưng không quá 05 người.

4. Người bị tạm giữ, tạm giam được gặp người đại diện hợp pháp để thực hiện giao dịch dân sự; đại diện cơ quan, tổ chức và cá nhân khác theo quy định của pháp luật. Khi người bị tạm giữ, tạm giam và người thân thích của họ có các yêu cầu về giao dịch dân sự, cơ quan thụ lý vụ việc, vụ án có trách nhiệm phối hợp với cơ sở giam giữ để giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

5. Thủ trưởng cơ sở giam giữ quyết định cụ thể thời điểm thăm gặp và thông báo cho người thân thích của người bị tạm giữ, tạm giam và cơ quan đang thụ lý vụ việc, vụ án biết; trường hợp cơ quan đang thụ lý vụ việc, vụ án yêu cầu cùng giám sát thì cử cán bộ phối hợp với cơ sở giam giữ để giám sát việc thăm gặp.

6. Số lần gặp và thời gian mỗi lần gặp người thân thích thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Luật số 128/2025/QH15. Trường hợp vượt quá số lần theo quy định hoặc gặp người không phải là người thân thích của người bị tạm giữ, tạm giam phải được cơ quan đang thụ lý vụ việc, vụ án đồng ý bằng văn bản.

Điều 8. Gặp người bào chữa

1. Cơ sở giam giữ có trách nhiệm bố trí phòng làm việc, tổ chức cho người bào chữa gặp người bị tạm giữ, tạm giam theo quy định của pháp luật và cử người giám sát chặt chẽ.

2. Người bào chữa chỉ được gặp người bị tạm giữ, tạm giam vào thời gian quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư này. Trường hợp cơ quan thụ lý vụ việc, vụ án có yêu cầu theo dõi, giám sát việc gặp thì Thủ trưởng cơ sở giam giữ thông báo cho cơ quan thụ lý vụ việc, vụ án để phối hợp giải quyết.

3. Quá trình gặp người bị tạm giữ, tạm giam, người bào chữa phải chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, nội quy cơ sở giam giữ; trường hợp phát hiện người bị tạm giữ, tạm giam hoặc người bào chữa vi phạm nội quy cơ sở giam giữ thì cán bộ làm nhiệm vụ giám sát dừng ngay việc gặp, lập biên bản, báo

cáo Thủ trưởng cơ sở giam giữ để xử lý và thông báo cho cơ quan đang thụ lý vụ việc, vụ án.

Điều 9. Tổ chức cho người bị tạm giữ, tạm giam gặp, làm việc với người có thẩm quyền tiến hành tố tụng

1. Cán bộ làm nhiệm vụ có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra giấy tờ của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; nếu giấy tờ đầy đủ, hợp lệ thì báo cáo Thủ trưởng cơ sở giam giữ để tổ chức cho người bị tạm giữ, tạm giam gặp, làm việc theo quy định của pháp luật.

2. Cơ sở giam giữ bố trí địa điểm làm việc và phối hợp với người, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng bảo đảm an ninh, an toàn khi người bị tạm giữ, tạm giam gặp, làm việc với người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

3. Người bị tạm giữ, tạm giam, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải chấp hành nghiêm pháp luật, nội quy cơ sở giam giữ. Trường hợp phát hiện người bị tạm giữ, tạm giam hoặc người có thẩm quyền tiến hành tố tụng vi phạm nội quy cơ sở giam giữ thì cán bộ làm nhiệm vụ dừng ngay việc gặp, làm việc, lập biên bản, báo cáo Thủ trưởng cơ sở giam giữ để xử lý và thông báo cho cơ quan đang thụ lý vụ việc, vụ án hoặc cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng cử người đến gặp, làm việc biết.

Chương III
CHẾ ĐỘ ĂN, Ở VÀ QUẢN LÝ GIAM GIỮ NGƯỜI BỊ KẾT ÁN TỬ HÌNH ĐANG BỊ TẠM GIAM

Điều 10. Chế độ ăn, ở đối với người bị kết án tử hình

1. Người bị kết án tử hình đang bị tạm giam được hưởng các chế độ ăn, ở, mặc, tư trang, chăm sóc y tế, sinh hoạt tinh thần; nhận thư, sách, báo, tài liệu, nhận quà như người bị tạm giam khác.

2. Chế độ thăm gặp của người bị kết án tử hình mà bản án chưa có hiệu lực pháp luật được thực hiện như đối với người đang bị tạm giam theo quy định tại Điều 22 Luật số 128/2025/QH15 và tại các Điều 4, 5, 6, 7, 8, 9 Thông tư này.

3. Chế độ thăm gặp của người bị kết án tử hình mà bản án đã có hiệu lực pháp luật, đang chờ thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 7 Thông tư này và do Giám thị trại tạm giam quyết định; chỉ cho gặp người thân thích khi có đủ các điều kiện đảm bảo an toàn; thời gian mỗi lần gặp không quá 01 giờ.

4. Giám thị trại tạm giam bố trí phòng thăm gặp cho người bị kết án tử hình, phân công bố trí cán bộ, phương tiện, thiết bị quản lý giám sát chặt chẽ, quá trình

thăm gặp phải có ít nhất 02 cán bộ giám sát và lực lượng hỗ trợ tư pháp bảo vệ bảo đảm tuyệt đối an toàn.

5. Cơ sở giam giữ phải bảo đảm cho người bị kết án tử hình thực hiện quyền kháng cáo, quyền đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm, quyền xin ân giảm án tử hình theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và tạo điều kiện tốt nhất cho người bị kết án tử hình thực hiện các quyền khác của người bị tạm giữ, tạm giam theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Quản lý giam giữ người bị kết án tử hình

1. Sau khi Tòa án xét xử tuyên phạt bị cáo mức án tử hình thì Giám thị trại tạm giam phải ra quyết định bố trí giam giữ vào buồng giam người bị kết án tử hình, ngoài cửa buồng giam phải treo biển "Buồng giam người bị kết án tử hình".

2. Buồng giam người bị kết án tử hình phải có hệ thống cửa bảo đảm chắc chắn, an toàn, trang bị khóa, cùm chân và hệ thống kiểm soát an ninh, thiết bị kỹ thuật để bảo đảm quản lý, giám sát nghiêm ngặt, chặt chẽ.

3. Trường hợp người bị kết án tử hình có biểu hiện bỏ trốn, tự sát hoặc có hành vi nguy hiểm khác thì Giám thị trại tạm giam quyết định việc cùm một chân, thời gian cùm và số lần mở cùm trong ngày. Hằng ngày, cán bộ được phân công phải kiểm tra buồng giam, hệ thống cùm chân; việc mở, đóng cửa buồng giam, cùm chân do cán bộ quản giáo trực tiếp thực hiện, phải có ít nhất 02 người làm nhiệm vụ quản lý giám sát để bảo đảm tuyệt đối an toàn.

4. Khi đưa người bị kết án tử hình ra khỏi buồng giam để gặp người thân thích hoặc làm việc với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền phải xích chân, khóa tay; khi vào khu vực thăm gặp, làm việc chỉ mở một bên khóa tay, bên còn lại phải khóa vào vị trí cố định, không mở xích chân trong suốt quá trình thăm gặp, làm việc.

5. Việc trích xuất người bị kết án tử hình mà bản án đã có hiệu lực pháp luật đang chờ thi hành án ra bên ngoài cơ sở giam giữ do Giám thị trại tạm giam quyết định sau khi báo cáo và được sự đồng ý của Thủ trưởng cơ quan quản lý tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú hoặc cơ quan có thẩm quyền để chỉ đạo và tổ chức lực lượng áp giải, quản lý đảm bảo tuyệt đối an toàn.

6. Trường hợp để đáp ứng yêu cầu giam giữ, việc điều chuyển người bị kết án tử hình mà bản án đã có hiệu lực pháp luật đang chờ thi hành án giữa các cơ sở giam giữ do Thủ trưởng cơ quan quản lý tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú Bộ Quốc phòng quyết định.

7. Trường hợp người bị kết án tử hình có quyết định ân giảm xuống tù chung thân hoặc có bản án, quyết định giảm xuống tù chung thân, tù có thời hạn thì Thủ trưởng cơ sở giam giữ chuyển người đó đến buồng giam người đang chờ chấp hành án phạt tù để làm thủ tục đưa đến nơi chấp hành án phạt tù theo quy định. Trường hợp hủy án để điều tra lại thì Thủ trưởng cơ sở giam giữ ra quyết định bố trí giam giữ và chuyển người bị kết án tử hình đến buồng tạm giam để phục vụ hoạt động điều tra.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

2. Bãi bỏ Chương III và Chương IV của Nội quy cơ sở giam giữ trong Quân đội nhân dân ban hành kèm theo Thông tư số 27/2018/TT-BQP ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Điều 13. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Cục trưởng Cục Điều tra hình sự Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn, tổ chức thực hiện Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Thượng tướng Nguyễn Văn Gấu